

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày: 09 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành

Ông Phạm Thanh Hùng

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 6 năm 2024 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 01/2025/QĐST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025, Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên toà số 04/TB-TA ngày 29 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 13/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025 và Thông báo thay đổi thời gian mở lại phiên toà số 05/TB-TA ngày 20 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần M

Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà V, số 9 D, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Công ty: Ông Nguyễn Văn M; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ của Công ty Cổ phần M; là người đại diện theo ủy quyền của Công ty (Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2024 và ngày 26/02/2025).

- Bị đơn:

1. Ông Đinh Văn K Sinh năm: 1960

HKTT: Thôn P, xã M, tỉnh Thanh Hoá

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã N, tỉnh Quảng Ngãi

2. Bà Lê Thị V Sinh năm: 1960

HKTT: Thôn P, xã M, tỉnh Thanh Hoá

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã M, tỉnh Thanh Hoá.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Văn T Sinh năm: 1982

2. Chị Đinh Thị Q Sinh năm: 1986

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hoá

Tại phiên toà có mặt ông M, vắng mặt ông K, bà V, anh T, chị Q. Ông K, bà V đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T, chị Q vắng mặt không có lý do lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/4/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 15/7/2022, ông Đinh Văn K và bà Lê Thị V đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2207116193544, phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ với Ngân hàng TMCP V, số tiền duyệt vay là 942.080.000đ, thời hạn cho vay là 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay với mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh chăn nuôi trâu, lãi suất cho vay là 8%/năm cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, kỳ hạn trả lãi vào ngày 15 hàng tháng.

Ngày 06/7/2022, ông Đinh Văn K và bà Lê Thị V đã ký Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử, hạn mức đề nghị 50.000.000đ với mục đích phục vụ nhu cầu đời sống.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 187, tờ bản đồ số 17; diện tích là 2.996,6m²; địa chỉ thửa đất: Thôn Q, xã Q, huyện N (nay là thôn B, xã T), tỉnh Thanh Hoá đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 648106; số vào sổ cấp GCN CH01655, ngày cấp 18/11/2015 cho Phạm Văn T, những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: ngày 30/6/2022 tặng cho ông Đinh Văn K và bà Lê Thị V được ký kết theo Hợp đồng thế chấp số LN2207116193544, số công chứng 8467, quyền số 03/2022TP/CC-SCC-HĐGD ngày 15/7/2022 tại Văn phòng công chứng L.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông K và bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng kể từ ngày 16/01/2023 và phải chịu mức lãi suất quá hạn theo thoả thuận. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu ông K và bà V thanh toán tiền nợ nhưng ông K và bà V vẫn không thực hiện theo yêu cầu của Ngân hàng.

Ngày 29/12/2023, Ngân hàng TMCP V đã bán toàn bộ khoản nợ của ông K

và bà V cho Công ty Cổ phần M theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-MARS, phụ lục đính kèm và Hợp đồng chuyển nhượng số 02/2023/VPB-MARS, phụ lục đính kèm, bao gồm: Nợ gốc, nợ lãi, nợ lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh theo Hợp đồng cho vay hạn mức và Giấy đề nghị mà ông K và bà V đã ký kết với Ngân hàng TMCP V.

Tính đến ngày 09/9/2025, ông K và bà V mới trả cho Ngân hàng được tiền lãi là 43.234.390đ, chưa trả tiền gốc.

Nay, ông yêu cầu Toà án buộc ông Đinh Văn K và bà Lê Thị V có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần M số tiền nợ cả gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2207116193544, phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ và Khế ước nhận nợ ngày 15/7/2022 tính đến ngày 09/9/2025 là 1.452.760.259đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn hai trăm năm mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 942.080.000đ, nợ lãi là 510.680.259đ.

Ông K và bà V tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2207116193544, phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ và Khế ước nhận nợ ngày 15/7/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

Trường hợp ông K và bà V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên, Công ty có quyền yêu cầu kê biên phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 187, tờ bản đồ số 17; diện tích là 2.996,6m²; địa chỉ thửa đất: Thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hoá đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 648106; số vào sổ cấp GCN CH01655, ngày cấp 18/11/2015 cho Phạm Văn T, những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: ngày 30/6/2022 tặng cho ông Đinh Văn K và bà Lê Thị V được ký kết theo Hợp đồng thế chấp số LN2207116193544, số công chứng 8467, quyền số 03/2022TP/CC-SCC-HĐGD ngày 15/7/2022 tại Văn phòng công chứng L.

Sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ để thanh toán nợ cho Công ty, ông K và bà V có nghĩa vụ tiếp tục phải trả nợ phần còn thiếu cho Công ty.

Tại phiên toà, ông M nộp đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay của ông K và bà V tại Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/7/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Đinh Văn K trình bày: Ông đứng tên vay tiền của Ngân hàng TMCP V cho con gái là Đinh Thị Q và con rể là Phạm Văn T. Vợ chồng ông không sử dụng số tiền đã vay. Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M, ông không đồng ý vì con gái ông đã thông báo trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lê Thị V trình bày: Ngày 15/7/2022, vợ chồng bà đã ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2207116193544 và ngày 06/7/2022 vợ chồng bà đã ký kết Giấy đề nghị vay

vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử với Ngân hàng TMCP V tổng số tiền vay là 992.080.000đ. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ngày 29/12/2023, Ngân hàng TMCP V đã bán và Công ty cổ phần M đồng ý mua toàn bộ khoản nợ của vợ chồng bà với ngân hàng. Tính đến ngày 08/4/2024, vợ chồng bà còn nợ Công ty Cổ phần M tiền gốc và lãi là 1.256.927.477đ (Một tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng). Trong đó, nợ gốc là 988.794.764đ (Chín trăm tám mươi tám triệu bảy trăm chín mươi bốn nghìn bảy trăm sáu mươi bốn đồng), nợ lãi là 268.132.713đ (Hai trăm sáu mươi tám triệu một trăm ba mươi hai nghìn bảy trăm mười ba đồng).

Bà đồng ý thanh toán cho Công ty số tiền nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 08/4/2024 là 1.256.927.477đ (Một tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng). Trường hợp vợ chồng bà không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên, Công ty có quyền yêu cầu kê biên phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 648106; sổ vào sổ cấp GCN CH01655, ngày cấp 18/11/2015 cho Phạm Văn T, những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: ngày 30/6/2022 tặng cho ông Đinh Văn K và bà Lê Thị V được ký kết theo Hợp đồng thế chấp số LN2207116193544, số công chứng 8467, quyền số 03/2022TP/CC-SCC-HĐGD ngày 15/7/2022 tại Văn phòng công chứng L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn T và chị Đinh Thị Q trình bày: Năm 2022, vợ chồng anh chị có cho ông K và bà V quyền sử dụng đất tại Thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hoá. Sau đó vợ chồng anh có xin ở nhờ trên thửa đất từ đó đến nay và giữ nguyên hiện trạng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 (sau đây viết tắt là BLTTDS); ông M đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật; ông K, bà V, anh T, chị Q không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Về giao nhận, tổng đạt văn bản tố tụng Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đình chỉ giải quyết yêu cầu buộc ông Đinh Văn K và bà Lê Thị V trả nợ theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/7/2022 của Công ty Cổ phần M. Anh Phạm Văn T và chị Đinh Thị Q phải bàn giao lại toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên khi Cơ quan Thi hành án dân

sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Ông Đinh Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị V. Công ty Cổ phần M tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Công nhận Công ty đã nộp đủ số tiền nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Công ty Cổ phần M khởi kiện yêu cầu ông Đinh Văn K và bà Lê Thị V, HKTT tại Thôn P, xã M, tỉnh Thanh Hoá trả số tiền nợ theo Hợp đồng cho vay mà hai bên đã ký kết nên đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Thanh Hoá theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng ông K, bà V, anh T, chị Q không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông K, bà V, anh T, chị Q theo quy định tại khoản 3 điều 210 BLTTDS.

Ông K, bà V, anh T, chị Q đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng ông K, bà V, anh T, chị Q đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Ông Đinh Văn K và bà Lê Thị V đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập họp lệ anh Phạm Văn T và chị Đinh Thị Q lần thứ hai đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng anh T, chị Q vẫn vắng mặt mà không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt ông K, bà V, anh T, chị Q.

[2] Văn bản pháp luật áp dụng: Các bên ký kết Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2207116193544, phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ và Khế ước nhận nợ ngày 15/7/2022 và vi phạm các điều khoản thoả thuận vào ngày 16/01/2023 nên áp dụng Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2207116193544, phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ và Khế ước nhận nợ ngày 15/7/2022 được ký kết giữa ông Đinh Văn K và bà Lê Thị V với Ngân hàng TMCP V thể hiện: số tiền vay là 942.080.000đ, thời hạn cho vay là 12 tháng tính từ ngày tiếp theo ngày bên Ngân hàng giải ngân số tiền vay với mục đích bổ sung vốn lưu động kinh doanh chăn nuôi trâu, lãi suất cho

vay là 8%/năm cố định trong vòng 03 tháng kể từ ngày giải ngân, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, kỳ hạn trả lãi vào ngày 15 hàng tháng.

Hợp đồng cho vay hạn mức đã được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện và theo quy định của pháp luật. Trong đó nêu rõ số tiền vay, thời hạn vay, lãi trong hạn, lãi quá hạn, biên độ lãi cùng các điều khoản, nội dung, thỏa thuận khác. Sau khi ký kết hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền vay theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông K và bà V mới trả cho Ngân hàng được tiền lãi là 43.234.390đ, chưa trả tiền gốc.

Kể từ ngày 16/01/2023 đến nay, ông K, bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là đã vi phạm khoản 8 Điều 1 Hợp đồng cho vay hạn mức. Mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, yêu cầu ông bà thanh toán nhưng ông bà vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Ngày 29/12/2023, Ngân hàng TMCP V đã bán toàn bộ khoản nợ của ông K và bà V cho Công ty Cổ phần M theo Hợp đồng mua bán nợ số 01/2023/VPB-MARS, phụ lục đính kèm. Vì vậy, Công ty Cổ phần M có toàn quyền đòi nợ của Ngân hàng TMCP V đối với khoản vay của ông K và bà V.

Công ty yêu cầu ông Đinh Văn K và bà Lê Thị V có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần M số tiền nợ cả gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2207116193544, phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ và Khế ước nhận nợ ngày 15/7/2022 tính đến ngày 09/9/2025 là 1.452.760.259đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn hai trăm năm mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 942.080.000đ, nợ lãi là 510.680.259đ.

Ông K và bà V tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2207116193544, phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ và Khế ước nhận nợ ngày 15/7/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản vay. Yêu cầu của Công ty là phù hợp với thỏa thuận giữa các bên và đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với ý kiến của ông K: Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M vì con gái ông đã thông báo trả hết nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông M nộp đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay của ông K và bà V tại Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/7/2022 nên đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu này của Công ty Cổ phần M.

[4] Xem xét về tài sản thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay, ông K và bà V đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 187, tờ bản đồ số 17; diện tích là 2.996,6m²; địa chỉ thửa đất: Thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hoá đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 648106; số vào sổ cấp GCN CH01655, ngày cấp 18/11/2015 cho Phạm Văn T, những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: ngày 30/6/2022 tặng cho ông Đinh Văn K và bà Lê Thị V được ký kết theo Hợp đồng thế chấp số LN2207116193544, số công chứng 8467, quyền số 03/2022TP/CC-SCC-HĐGD ngày 15/7/2022 tại Văn phòng công chứng L giữa ông Đinh Văn K, bà Lê Thị V và Ngân hàng TMCP V là hoàn toàn tự nguyện. Tại thời điểm các bên giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự, có công chứng và thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: Tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của ông K và bà V, tài sản thế chấp hiện nay vẫn giữ nguyên, không thay đổi, ngoài việc thế chấp để vay vốn tại Ngân hàng TMCP V, không có tranh chấp với bất kỳ tổ chức, cá nhân nào khác. Do đó hợp đồng thế chấp này có giá trị pháp lý. Trường hợp ông K và bà V không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ được các khoản nợ cho Công ty Cổ phần M, thì sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Công ty có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản để thu hồi nợ cho Công ty, yêu cầu của Công ty là phù hợp nên chấp nhận.

Sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ để thanh toán nợ cho Công ty, ông K và bà V có nghĩa vụ tiếp tục phải trả nợ phần còn thiếu cho Công ty.

Hiện tại, anh Phạm Văn T và chị Đinh Thị Q có xin ở nhờ trên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên nên khi cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ, anh T và chị Q có trách nhiệm bàn giao lại toàn bộ tài sản thế chấp để cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp.

[5] Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ, số tiền này Công ty Cổ phần M đã nộp tạm ứng từ trước, Công ty tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Công nhận Công ty đã nộp đủ số tiền nêu trên.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M được chấp nhận nên Công ty không phải chịu án phí. Trả lại Công ty Cổ phần M số tiền tạm ứng án phí Công ty đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Thanh Hoá).

Ông K và bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bà V đã trên 60 tuổi, bà có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bà thuộc trường hợp được miễn án phí. Vì vậy miễn án phí cho bà. Ông K đã trên 60 tuổi, tuy nhiên ông đã được giải thích nhưng vẫn không làm đơn xin miễn án phí nên ông không được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 90; 91; 95; 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 95; 167; 168 Luật Đất đai; các Điều 293; 317; 318; 365; 463; 466; 500; 501; 502; 503 Bộ luật dân sự; các Điều 26; 35; 39; 147; 157; 158; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc ông Đinh Văn K và bà Lê Thị V có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần M số tiền nợ cả gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2207116193544, phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ và Khế ước nhận nợ ngày 15/7/2022 tính đến ngày 09/9/2025 là 1.452.760.259đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn hai trăm năm mươi chín đồng), trong đó tiền gốc là 942.080.000đ, nợ lãi là 510.680.259đ.

Ông K và bà V tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2207116193544, phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ và Khế ước nhận nợ ngày 15/7/2022 kể từ ngày 10/9/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu buộc ông Đinh Văn K và bà Lê Thị V trả nợ theo Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/7/2022 của Công ty Cổ phần M.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông K và bà V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên, Công ty Cổ phần Mars có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 187, tờ bản đồ số 17; diện tích là 2.996,6m²; địa chỉ thửa đất: Thôn B, xã T, tỉnh Thanh Hoá đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 648106; số vào sổ cấp GCN CH01655, ngày cấp 18/11/2015 cho Phạm Văn T, những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận: ngày 30/6/2022 tặng cho ông Đinh Văn K và bà Lê Thị V được ký kết theo Hợp đồng thế chấp số LN2207116193544, số công chứng 8467, quyền số 03/2022TP/CC-SCC-HĐGD ngày 15/7/2022 tại Văn phòng công chứng L và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/02/2025.

Sau khi xử lý tài sản bảo đảm mà vẫn không đủ để thanh toán nợ cho Công ty Cổ phần Mars, ông K và bà V có nghĩa vụ tiếp tục phải trả nợ phần còn thiếu cho Công ty.

Anh Phạm Văn T và chị Đinh Thị Q phải bàn giao lại toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên khi Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành phát mại tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí:

Ông Đinh Văn K phải chịu 27.791.000đ (Hai mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị V.

Trả lại cho Công ty Cổ phần M số tiền 24.853.000đ (Hai mươi bốn triệu tám trăm năm mươi ba nghìn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 - Thanh Hoá), theo biên lai số 0004344 ngày 06/6/2024.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Công ty Cổ phần M tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Công nhận Công ty đã nộp đủ số tiền nêu trên.

Án xử công khai sơ thẩm. Ông M có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông K, bà V, anh T, chị Q có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- THADS cấp tỉnh;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thịnh